



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa đô, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (024) 38360289 Fax: (024) 38361199
Email: thitruong@quatest1.com.vn

HỒ SƠ NĂNG LỰC

PHÒNG THỬ NGHIỆM

VI SINH - GMO

DANH MỤC HỒ SƠ

1. GIỚI THIỆU CHUNG

- ❖ Giới thiệu Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1
- ❖ Sơ đồ tổ chức Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1
- ❖ Giới thiệu chung phòng thử nghiệm

2. TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

- ❖ Quyết định thành lập
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tổ chức khoa học và công nghệ
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học Công nghệ
- ❖ Quyết định Ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

3. NĂNG LỰC

- ❖ Quyết định, chỉ định các Bộ, các ngành
- ❖ Chứng chỉ công nhận
- ❖ Danh sách nhân sự
- ❖ Danh mục một số trang thiết bị chính

GIỚI THIỆU CHUNG



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Trụ sở chính: Nhà E, Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024.38360289 – **Fax:** 024.38361199
Cơ sở Nam Thăng Long: Lô B2-3-6a Khu công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 024.32191002 – **Fax:** 024 32191001
Website: www.quatest1.com.vn – **Email:** thitruong@quatest1.com.vn

GIỚI THIỆU CHUNG

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (QUATEST1) được thành lập theo Quyết định số 1273/QĐ-TĐC, ngày 05 tháng 11 năm 1994 của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ). Bộ máy tổ chức và lĩnh vực hoạt động được quy định trong “Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1”, ban hành kèm theo Quyết định số 683/QĐ - TĐC, ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 là tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng phục vụ công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các hoạt động dịch vụ khác theo yêu cầu của các tổ chức cá nhân.

Các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1:

- Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan tới lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và tiến hành các hoạt động đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực: Giám định, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình theo yêu cầu hoặc chỉ định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Cung cấp các dịch vụ về lĩnh vực đo lường, thử nghiệm, giám định, chứng nhận, bảo trì và sửa chữa các phương tiện đo theo yêu cầu của các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân.
- Thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn, kiểm tra, đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức thử nghiệm chất lượng, vệ sinh, an toàn các sản phẩm, hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, công trình.
- Tổ chức thực hiện việc khảo sát, quan trắc, thử nghiệm, đánh giá tác động và thực trạng môi trường.
- Tiến hành giám định sản phẩm hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây chuyền sản xuất, chuyển giao công nghệ và chất lượng công trình xây dựng.
- Tổ chức kiểm định an toàn công nghiệp; các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu về an toàn.



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Trụ sở chính: Nhà E, Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024.38360289 – **Fax:** 024.38361199
Cơ sở Nam Thăng Long: Lô B2-3-6a Khu công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 024.32191002 – **Fax:** 024 32191001
Website: www.quatest1.com.vn – **Email:** thitruong@quatest1.com.vn

- Thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học công nghệ, chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, kiến thức về hệ thống quản lý chất lượng cho cán bộ, viên chức của Trung tâm và theo yêu cầu của các tổ chức cá nhân.
- Tư vấn giám sát và đánh giá chất lượng công trình, giám sát lắp đặt, chế tạo thiết bị.
- Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn đổi mới công nghệ. Tổ chức, nghiên cứu triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.
- Đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
- Thực hiện các hoạt động dịch vụ về đánh giá quy trình hàn, quy trình kiểm tra không phá hủy (NDT), kỹ năng thợ hàn theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.
- Thực hiện các hoạt động tư vấn dịch vụ tư vấn quản lý dự án, đấu thầu, xây dựng các giải pháp kỹ thuật, lập các dự án đầu tư và trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường theo quy định của pháp luật.
- Bảo trì, sửa chữa, chế tạo, lắp đặt, cung ứng thiết bị thử nghiệm và các thiết bị kỹ thuật khác.
- Tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quy định của pháp luật.
- Tham gia đấu thầu, ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

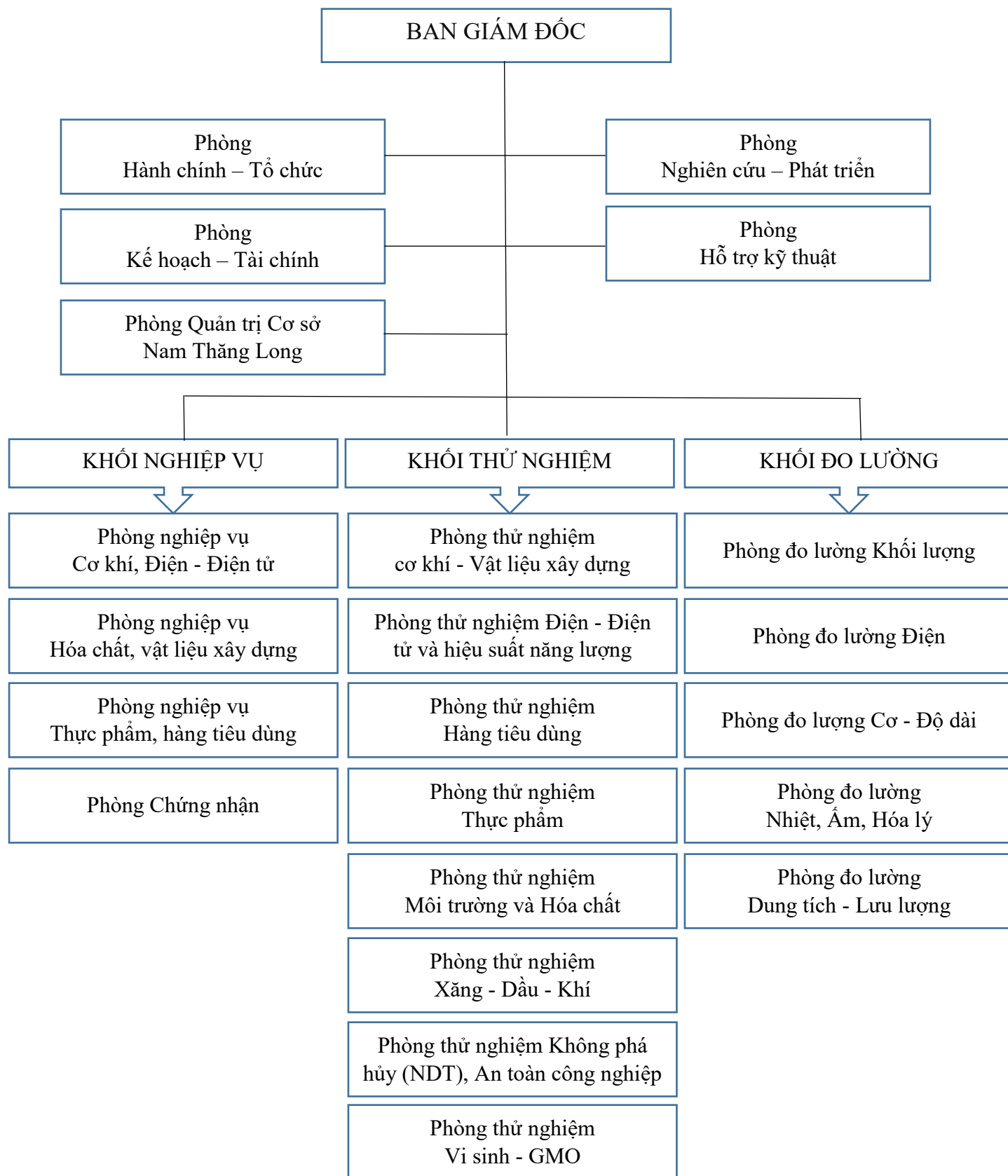
CAM KẾT

Tất cả các hoạt động dịch vụ của Quatest 1 chỉ hoàn thành khi khách hàng nhận được chứng chỉ hoặc chứng nhận tương đương.

Để nâng cao chất lượng phục vụ, thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 thường xuyên tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị hiện đại, coi trọng việc đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên. Đồng thời Trung tâm luôn duy trì và cải tiến Hệ thống Quản lý Chất lượng theo ISO/IEC 17025, ISO/IEC 17020, ISO/IEC 17021, ISO/IEC 17065.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT 1

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Phòng thử nghiệm Điện - Điện tử và Hiệu suất năng lượng

Phòng Thử nghiệm Điện – Điện tử và Hiệu suất năng lượng được thành lập từ năm 1976 và nằm trong hệ thống các Phòng thử nghiệm của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (QUATEST 1).

Hệ thống quản lý chất lượng phòng thử nghiệm: Đáp ứng các chuẩn mực và đã được chứng nhận phù hợp với các yêu cầu được qui định trong tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 kể từ năm 1993 (Mã số công nhận: VILAS 028).

Phòng thử nghiệm có đầy đủ năng lực để triển khai, tiến hành các hoạt động thử nghiệm thuộc nhiều lĩnh vực như: thử nghiệm an toàn điện, thử nghiệm hiệu suất năng lượng, thử nghiệm tương thích điện từ đối với các sản phẩm điện, điện tử theo các yêu cầu được qui định trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, Quốc tế nhằm phục vụ các yêu cầu quản lý nhà nước cũng như nhu cầu của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

Các lĩnh vực hoạt động:

- Thử nghiệm an toàn, tính năng cho các sản phẩm điện gia dụng, điện tử tương tự:

- ✓ Thiết bị dùng trong gia đình: Bàn là điện, Thiết bị đun nóng chất lỏng (Nồi cơm điện, ấm điện, nồi áp suất điện, máy pha cà phê...), Lò nướng điện (Lò nướng điện di động, thiết bị nướng bánh mỳ, nồi chiên không dầu, vỉ nướng điện, bếp điện...), Bình đun nước nóng có dự trữ (Bình nóng lạnh, máy lọc nước có chức năng làm nóng nước), Thiết bị dùng để chăm sóc da và tóc (Máy sấy tóc, máy sấy khô tay, máy xông hơi vùng mặt, thiết bị tạo nếp tóc...), Lò vi sóng, Bình đun nước nóng nhanh, Que đun điện, Quạt điện, Máy giặt, Máy hút bụi, Máy xay, Bơm nước dùng trong gia đình, Tủ lạnh, Điều hòa không khí.
- ✓ Thiết bị công nghệ thông tin: Máy tính (Máy tính để bàn, Máy tính xách tay), Máy in, Máy photocopy.
- ✓ Thiết bị nghe nhìn: Máy thu hình, Loa, Máy phát nhạc.
- ✓ Dụng cụ điện cầm tay: Máy mài, Máy cưa đĩa, Khoan.

- Thử nghiệm an toàn, tính năng cho các sản phẩm điện công nghiệp:

- ✓ Dụng cụ cho lưới điện hạ thế: Dây cáp điện, Máy biến áp, Thiết bị đóng cắt, Ổ cắm, Phích cắm, Aptomat, Tủ bảng điện, Ống luồn dây điện, Thang máng cáp, Phụ kiện đường dây, Đồ bảo hộ lao động.
- ✓ Dụng cụ cho lưới điện trung thế, cao thế: Cáp điện lực, Máy biến áp điện lực, Tủ điện, Cầu dao, Cầu chì, Máy cắt, Thiết bị chống sét, Chuỗi cách điện, Sào cách điện, Mũ, Găng, Ủng, Thảm cách điện.

- Thử nghiệm an toàn, tính năng cho các sản phẩm chiếu sáng:

- ✓ Đèn đường phố, Đèn giao thông.
- ✓ Đèn LED, Màn hình LED (quảng cáo, trang trí, thông tin...).

- ✓ Đèn huỳnh quang, Balat điện tử, Balat sắt từ, Bộ điều khiển đèn.
- ✓ Đèn sân khấu - trình diễn nghệ thuật.
- ✓ Đèn chiếu sáng công trình xây dựng: Sân vận động, lớp học, quảng trường, cầu - hầm.
- **Thử nghiệm, đánh giá an toàn đối với hệ thống lắp đặt điện:**
 - ✓ Hệ thống điện tòa nhà.
 - ✓ Hệ thống điện năng lượng mặt trời.
- **Thử nghiệm an toàn cơ bản đối với thiết bị điện y tế, hệ thống điện y tế:**
 - ✓ Máy thở, máy hút dịch.
 - ✓ Giường bệnh (dùng điện).
- **Thử nghiệm hiệu suất năng lượng:**
 - ✓ Nhóm thiết bị gia dụng: Bóng đèn huỳnh quang Compact, Balat điện tử dùng cho bóng đèn huỳnh quang, Balat điện tử dùng cho bóng đèn huỳnh quang, Bóng đèn huỳnh quang ống thẳng, Quạt điện, Tủ lạnh, tủ kết đông lạnh, Máy giặt gia dụng, Máy thu hình, Nồi cơm điện, Bình đun nước nóng có dự trữ, Đèn LED, Tủ giữ lạnh thương mại.
 - ✓ Nhóm thiết bị văn phòng và thương mại: Màn hình máy tính, Máy in, Máy photocopy, Máy tính xách tay.
 - ✓ Nhóm thiết bị công nghiệp: Động cơ điện không đồng bộ ba pha roto lồng sóc, Máy biến áp phân phối.
- **Thử nghiệm tương tích điện từ (EMC):**
 - ✓ Các thiết bị điện và điện tử gia dụng: Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời, máy khoan cầm tay hoạt động bằng động cơ điện, máy hút bụi, máy giặt, tủ lạnh-tủ đá, điều hòa nhiệt độ, bóng đèn có balat lắp liền, máy sấy tóc, máy xay sinh tố, máy xay thịt, máy ép trái cây, máy đánh trứng, lò vi sóng, bếp điện.
 - ✓ Các sản phẩm chiếu sáng sử dụng công nghệ LED.
- **Thử nghiệm cao áp:**
 - ✓ Thử nghiệm điện áp tăng cao tần số công nghiệp: đến 250kV
 - ✓ Thử nghiệm xung (dạng 1,2/50μs): đến 600kV
- **Thử nghiệm môi trường:**
 - ✓ Thử nghiệm mô phỏng các điều kiện khí hậu như: thử nghiệm nóng khô, thử nghiệm nóng ẩm, thử nghiệm lạnh, thử nghiệm sương muối.
 - ✓ Thử nghiệm va đập, thử nghiệm rung.
 - ✓ Đo độ ồn, đo các thông số về rung động, vận tốc, gia tốc.
 - ✓ Thử nghiệm, đánh giá khả năng chống lại nước xâm nhập đối với vỏ bảo vệ (Cấp bảo vệ: IPX1 ~ IPX8).

- ✓ Thử nghiệm, đánh giá khả năng chống lại vật rắn xâm nhập đối với vỏ bảo vệ (Cấp bảo vệ: IP1X ~ IP6X).
- **Thử nghiệm cháy:**
 - ✓ Thử nghiệm nén viên bi.
 - ✓ Thử nghiệm cháy bằng sợi dây nóng đỏ.
 - ✓ Thử nghiệm ngọn lửa hình kim.
 - ✓ Thử nghiệm cháy đứng, cháy ngang.
- **Thử nghiệm khác:**
 - ✓ Thử nghiệm ắc quy dùng cho ô tô, xe máy.
 - ✓ Thử nghiệm máy biến đổi đo lường (Máy biến dòng, máy biến điện áp kiểu cảm ứng).
 - ✓ Thử nghiệm vật liệu dẫn điện, vật liệu cách điện.
 - ✓ Thử nghiệm mô đun quang điện (Tấm pin năng lượng mặt trời).
 - ✓ Thử nghiệm cáp thông tin.
 - ✓ Thử nghiệm cáp dùng cho hệ thống điện năng lượng mặt trời.
 - ✓ Đo suy hao cáp quang.
- **Đào tạo & Tư vấn**
 - ✓ Đào tạo thử nghiệm viên.
 - ✓ Tư vấn xây dựng Phòng thử nghiệm.
 - ✓ Tư vấn kỹ thuật.

TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
V/v thành lập Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng 1

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 15-CP ngày 02/03/1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 22-CP ngày 22/05/1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Xét đề nghị của các ông Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức và Cán bộ khoa học;

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Thành lập Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng 1 (gọi tắt là Trung tâm Kỹ thuật 1) trên cơ sở các phòng Thử nghiệm, các phòng Đo lường và các phòng Nghiệp vụ của Trung tâm Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng khu vực 1. Trụ sở đặt tại thành phố Hà nội.
- Điều 2:** Trung tâm Kỹ thuật 1 là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng và có con dấu để giao dịch công tác.
- Điều 3:** Trung tâm Kỹ thuật 1 có nhiệm vụ chính sau đây :
1. Tiến hành thử nghiệm, thẩm định, đánh giá, giám định chất lượng hàng hoá và đo lường phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cũng như các yêu cầu quản lý nhà nước của các cơ quan Hải quan, Môi trường, Quản lý thị trường, Công nghệ, Tư pháp... Ngoài ra được phép khai thác năng lực đo lường, thử nghiệm để phục vụ các yêu cầu của các cơ sở sản xuất, kinh doanh.
 2. Bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường và tiến hành kiểm định chuẩn theo phân cấp của Tổng cục đối với Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh...
 3. Tham gia xây dựng Tiêu chuẩn Việt nam (TCVN), tiêu chuẩn Quốc tế.
 4. Tổ chức công tác thông tin, đào tạo, hợp tác Quốc tế trên địa bàn theo sự phân công của Tổng cục.

5. Quản lý cán bộ, tài sản theo quy định.

Điều 4: Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng có trách nhiệm xây dựng Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật 1 để trình Bộ ký duyệt và ban hành.

Điều 5: Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 6: Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ khoa học, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận

- Tổng cục TCĐLCL
- VP Bộ
- Vụ TCCBKH

Mh



Dũng Hùng

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Mã số: 0100111602

Đăng ký lần đầu, ngày 10 tháng 04 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 05 tháng 11 năm 2018

1. Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết bằng tiếng Việt:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết bằng tiếng nước ngoài: QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 1

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết tắt: QUATEST1

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.38361399

Fax: 024.38361399

Email: hanhchinh@quatest1.com.vn

Website: www.quatest1.com.vn

3. Ngành, nghề kinh doanh:

Số TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Chi tiết: - Kiểm tra, thử nghiệm và đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ theo chỉ định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền; - Kiểm định phương tiện đo trong phạm vi được công nhận; - Hiệu chuẩn, kiểm tra và đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo; - Chứng nhận sản phẩm, dịch vụ phù hợp tiêu chuẩn và các quy chuẩn kỹ thuật; - Thử nghiệm, đánh giá, thẩm định chất lượng, kỹ thuật, vệ sinh, an toàn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, vật liệu, cấu kiện, dự án và công trình theo yêu cầu của các cơ quan quản	7120

Số TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
	lý, các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân; - Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng hàng hóa, công trình phù hợp tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; - Đánh giá quy trình hàn, quy trình kiểm tra hàn không phá hủy (NDT), kỹ năng thợ hàn; - Kiểm tra an toàn công nghiệp, các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu về an toàn;	
2.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Giám định thương mại - Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, chuyển giao công nghệ và an toàn công nghiệp, tư vấn và đánh giá chất lượng công trình xây dựng theo quy định: quan trắc, đánh giá tác động và thực trạng môi trường;	7490
3.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học: Chi tiết: Cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa các phương tiện đo, thiết bị thử nghiệm, thiết bị kỹ thuật	3313
4.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Chi tiết: Nghiên cứu, chế tạo và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn và các phương tiện đo Tổ chức thực hiện, nghiên cứu triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ	7210
5.	Giáo dục nghề nghiệp: Chi tiết: Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn kỹ thuật về chất lượng, đo lường, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, các hệ thống quản lý, công cụ quản lý chất lượng và các nội dung có liên quan khác (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép)	8532

4. Tổng giá trị tài sản được giao quản lý và sử dụng tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp: 24.486.372.888 đồng

Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm tám mươi tám đồng.

5. Tên cơ quan chủ quản: TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

6. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức khoa học và công nghệ:

Chức danh: *Giám đốc*

Họ và tên: **KIM ĐỨC THỤ** Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *10/05/1966* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Căn cước công dân*

Số: *026066002265* Ngày cấp: *13/8/2018*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 501-B3, TT Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 501-B3, TT Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội.*



TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thị Kim Tuyền



QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Tổ chức khoa học và công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.
3. Nghiêm cấm cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.
4. Làm thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ khi có thay đổi, bổ sung một trong các thông tin ghi trong Giấy chứng nhận.
5. Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định khi bị mất hoặc rách, nát.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đăng ký lần đầu, ngày 07/9/1995 (số đăng ký: 417)

Đăng ký lần thứ hai, ngày 03/5/2006 (số đăng ký: A-502)

Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

Tên viết tắt bằng tiếng Việt:

Trung tâm Kỹ thuật 1

Tên viết bằng tiếng nước ngoài:

Quality Assurance and Testing Center 1

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: QUATEST 1

Trụ sở chính:

Số 8, Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Tổng số vốn đăng ký: 6.863.898.293 đồng

Quyết định thành lập số: 1373/QĐ
ngày 05 tháng 11 năm 1994

Cơ quan quyết định thành lập:

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
(nay là Bộ Khoa học và Công nghệ)

Cơ quan quản lý trực tiếp:

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

SỐ ĐĂNG KÝ : A - 502

Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ:

- Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; Tham gia xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; Thực hiện các chương trình, đề tài theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm.
- Chế tạo và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn và phương tiện đo.
- Dịch vụ KH&CN: Đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực giám định, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ và quá trình; Kiểm định, hiệu chuẩn, kiểm tra, đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo; Thử nghiệm chất lượng, vệ sinh, an toàn các sản phẩm, hàng hoá, vật liệu, cấu kiện, công trình; Khảo sát, quan trắc, thử nghiệm, đánh giá tác động và thực trạng môi trường; Giám định sản phẩm hàng hoá, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây chuyền sản xuất, chuyển giao công nghệ và chất lượng công trình xây dựng; Kiểm định an toàn công nghiệp, các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu về an toàn; Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, kiến thức về hệ thống quản lý chất lượng; Tư vấn giám sát và đánh giá chất lượng công trình, giám sát lắp đặt, chế tạo thiết bị; Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn đổi mới công nghệ; Đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, chứng nhận sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Đánh giá quy trình hàn, quy trình kiểm tra không phá hủy, kỹ năng thợ hàn; Tư vấn quản lý dự án, đầu thầu, xây dựng các giải pháp kỹ thuật, lập các dự án đầu tư và trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường; Bảo trì, sửa chữa, chế tạo, lắp đặt, cung ứng thiết bị thử nghiệm và các thiết bị kỹ thuật khác trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

(Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật, trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2010

KT. BỘ TRƯỞNG
TƯ TRƯỞNG



Nguyễn Quân

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM KỸ THUẬT 1

Số: 699 /QĐ - TĐC

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2019

C.V. Số: 699
Ngày: 04/06/19
Chuyên: B&D

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động
của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

**TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1373/QĐ-TĐC ngày 27 tháng 6 năm 2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN để b/cáo;
- Lưu VT, TCCB.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Trần Văn Vinh



ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 61/2019/QĐ-TĐC ngày 22 tháng 4 năm 2019
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Chương I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (sau đây gọi tắt là Trung tâm Kỹ thuật 1) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây gọi tắt là Tổng cục) có chức năng nghiên cứu, ứng dụng khoa học và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng phục vụ quản lý nhà nước và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm Kỹ thuật 1 có tên giao dịch quốc tế là Quality Assurance and Testing Center 1 (viết tắt là QUATEST1).

3. Trung tâm Kỹ thuật 1 có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản tại kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật. Trung tâm Kỹ thuật 1 có trụ sở chính tại Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển và hoạt động dài hạn, ngắn hạn, hàng năm của Trung tâm Kỹ thuật 1.

2. Đề xuất, tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản kỹ thuật liên quan; phối hợp thực hiện chức năng phục vụ quản lý nhà nước trong hoạt động thanh tra, kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan tới lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và tiến hành các hoạt động đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực: Chứng nhận, giám định, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình... theo yêu cầu hoặc chỉ định của các tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Nghiên cứu triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, xây dựng và triển khai các phương pháp, quy trình: thử nghiệm, hiệu chuẩn, kiểm định, giám định, phương pháp đánh giá chất lượng sản phẩm hàng hóa, đánh giá

thử nghiệm thành thạo và so sánh liên phòng đối với hoạt động thử nghiệm, hiệu chuẩn.

5. Nghiên cứu, chế tạo và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn, mẫu thử, phương tiện đo, trang thiết bị đo lường, thử nghiệm,...thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, theo quy định của pháp luật.

6. Cung cấp các dịch vụ:

6.1 Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, phê duyệt mẫu phương tiện đo, kiểm tra, đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo, theo quy định của pháp luật;

6.2. Thử nghiệm đánh giá chất lượng, an toàn sản phẩm, hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, công trình, hiệu suất năng lượng, sản phẩm biến đổi gen và vệ sinh an toàn thực phẩm. Khảo sát, quan trắc, thử nghiệm, đánh giá tác động và thực trạng môi trường;

6.3. Giám định sản phẩm hàng hoá, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây chuyền công nghệ sản xuất, chất lượng công trình. Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn xây dựng các giải pháp kỹ thuật, đổi mới công nghệ;

6.4. Đánh giá chứng nhận các Hệ thống quản lý, chứng nhận sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

6.5. Đánh giá quy trình hàn, kỹ năng thợ hàn theo tiêu chuẩn Việt Nam và Quốc tế

6.6. Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động: Các loại máy, thiết bị, hệ thống thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; kiểm định chất lượng công trình xây dựng; lắp đặt dây chuyền, công nghệ.

6.7. Bảo trì, sửa chữa, chế tạo, lắp đặt, giám sát lắp đặt, cung ứng thiết bị, chuyển giao công nghệ. Tư vấn lập các dự án đầu tư trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường theo quy định của pháp luật;

7. Phối hợp với Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa để cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng phục vụ quản lý nhà nước theo yêu cầu của Tổng cục trưởng.

8. Tham gia đấu thầu, ký kết và thực hiện các hợp đồng dịch vụ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực kỹ thuật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hướng dẫn thực tập sinh theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân.

10. Hợp tác với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước về các nội dung liên quan đến hoạt động của Trung tâm theo quy định của Tổng cục và của pháp luật;

11. Quản lý công chức, viên chức, người lao động, hồ sơ, tài chính, tài sản và tài liệu của Trung tâm theo phân cấp và theo quy định của pháp luật;

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng cục trưởng giao.

Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 3. Lãnh đạo Trung tâm Kỹ thuật 1

1. Trung tâm Kỹ thuật 1 gồm Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.
2. Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 do Tổng cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm và chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật về toàn bộ tổ chức hoạt động của Trung tâm.
3. Các Phó Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 thực hiện nhiệm vụ chuyên môn giúp Giám đốc phụ trách một số công việc theo phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về những nhiệm vụ được phân công. Phó Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 do Tổng cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.
4. Trong trường hợp Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật 1, chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật về việc điều hành của mình, sau đó báo cáo Giám đốc.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Hành chính - Tổ chức.
2. Phòng Quản trị cơ sở Nam Thăng Long.
3. Phòng Kế hoạch - Tài chính.
4. Phòng Hỗ trợ kỹ thuật.
5. Phòng Nghiên cứu và Phát triển.
6. Phòng Nghiệp vụ Cơ khí, Điện, Điện tử (gọi tắt là phòng Nghiệp vụ 1).
7. Phòng Nghiệp vụ Hoá chất, Vật liệu xây dựng (gọi tắt là phòng Nghiệp vụ 2).
8. Phòng nghiệp vụ Thực phẩm, Hàng tiêu dùng (gọi tắt là phòng Nghiệp vụ 3).
9. Phòng Chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy (gọi tắt là phòng Chứng nhận).
10. Phòng Thử nghiệm Cơ khí và Vật liệu xây dựng (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 1).
11. Phòng Thử nghiệm Điện, Điện tử, Hiệu suất năng lượng (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 2).
12. Phòng Thử nghiệm Hàng tiêu dùng (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 3).
13. Phòng Thử nghiệm Thực phẩm (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 4).
14. Phòng Thử nghiệm Môi trường và Hoá chất (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 5).
15. Phòng Thử nghiệm Xăng, Dầu, Khí (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 6).

16. Phòng Thử nghiệm Không phá huỷ và An toàn công nghiệp (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 7).

17. Phòng Thử nghiệm Vi sinh và GMO (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 8).

18. Phòng Đo lường Khối lượng (gọi tắt là phòng Đo lường 1).

19. Phòng Đo lường Điện (gọi tắt là phòng Đo lường 2).

20. Phòng Đo lường Cơ và Độ dài (gọi tắt là phòng Đo lường 3).

21. Phòng Đo lường Nhiệt, Âm, Hóa lý (gọi tắt là phòng Đo lường 4).

22. Phòng Đo lường Dung tích - Lưu lượng (gọi tắt là phòng Đo lường 5).

Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 được thành lập Hội đồng Khoa học để tư vấn cho Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo của Trung tâm. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học do Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 quy định.

Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 có trách nhiệm quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Trung tâm. Việc thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc Trung tâm do Tổng cục Trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng, cấp phó các đơn vị thuộc Trung tâm theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Tổng cục và quy định của pháp luật.

Điều 5. Nhân lực của Trung tâm

1. Công chức, viên chức;
2. Lao động hợp đồng.
3. Cộng tác viên.

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Trung tâm Kỹ thuật 1 làm việc theo chế độ thủ trưởng.
2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Trung tâm chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.
3. Trung tâm Kỹ thuật 1 thực hiện chế độ làm việc, quan hệ công tác với các đơn vị thuộc Tổng cục theo quy chế làm việc của Tổng cục và các quy định khác có liên quan.
4. Trung tâm Kỹ thuật 1 có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài Tổng cục có liên quan theo quy định trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương III

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 7. Nguồn thu

1. Nguồn do ngân sách nhà nước cấp để thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của Trung tâm.
3. Nguồn tài trợ, viện trợ, quà biếu, tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước
4. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Các khoản chi

1. Chi hoạt động thường xuyên
2. Chi các hoạt động dịch vụ tư vấn, đào tạo và nghiên cứu theo các hợp đồng đã ký kết.
3. Chi tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm.
4. Chi thực hiện nhiệm vụ được giao.
5. Các khoản chi khác theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm và các quy định khác của pháp luật.

Điều 9. Chế độ quản lý tài chính, tài sản

1. Trung tâm Kỹ thuật 1 được áp dụng cơ chế quản lý tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của pháp luật.
2. Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 có trách nhiệm quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài chính, tài sản của Trung tâm; thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước; trích lập các quỹ và thực hiện chế độ kế toán, tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ thực hiện Điều lệ này.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xem xét, quyết định./.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Trần Văn Vinh

NĂNG LỰC

BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT ĐỊNH CHỈ ĐỊNH CỦA CÁC BỘ NGÀNH

STT	Quyết định số	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu
Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ định				
1	337/TĐC-HCHQ	7/2/2018	Bộ KHCN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: - Cơ, không phá hủy (NDT) - Vật liệu xây dựng - Điện - Điện tử (An toàn; Hiệu suất; Tương thích điện từ) - Hóa học (Thành phần hóa học của sản phẩm; Chất; Môi trường) - Sinh học (Vi sinh - GMO; Dược phẩm; An toàn sinh học) Số đăng ký: 72/TN-TĐC
2	2404/TĐC-HCHQ	24/8/2018	Bộ KHCN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: - Cơ, không phá hủy (NDT) - Vật liệu xây dựng - Điện - Điện tử - Hóa học - Sinh học Số đăng ký: 72/TN-TĐC/L2
3	88/TĐC-HCHQ	09/01/2019	Bộ KHCN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Hóa, Sinh Số đăng ký: 72/TN-TĐC
4	3051/TĐC-HCHQ	30/9/2019	Bộ KHCN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Hóa Số đăng ký: 72/TN-TĐC
5	452/TĐC-HCHQ	25/02/2020	Bộ KHCN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Hóa, Cơ; Điện - Điện tử; Vật liệu xây dựng, Sinh Số đăng ký: 72/TN-TĐC
6	2390/TĐC-HCHQ	28/7/2020	Bộ KHCN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Hóa, Cơ; Điện - Điện tử;

STT	Quyết định số	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu
				Vật liệu xây dựng, Sinh Số đăng ký: 72/TN-TĐC
7	4425/TĐC-HCHQ	25/12/2020	Bộ KHCN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Điện - Điện tử, Hóa, Sinh Số đăng ký: 72/TN-TĐC
8	2352/TĐC-HCHQ	27/7/2021	Bộ KHCN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Điện - Điện tử, Hóa, Sinh Số đăng ký: 72/TN-TĐC
9	13/QĐ-BKHCN	06/01/2020	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quyết định về việc công nhận Phòng thí nghiệm nghiên cứu về sinh vật biến đổi gen
Bộ Công Thương chỉ định				
1	332/QĐ-BCT	01/02/2021	Bộ Công Thương	Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm Mã số: 07/2021/BCT-KNTP
2	3986/QĐ-BCT	22/10/2018	Bộ Công Thương	Quyết định chỉ định tổ chức thử nghiệm các sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh theo các quy định tại QCVN 09:2015/BCT được ban hành kèm theo Thông tư số 36/ 2015/ TT - BCT ngày 28 tháng 10 năm 2015 và Thông tư số 33/ 2016/ TT BCT ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Mã số: 02.18.TN-GIẤY
Bộ Y tế chỉ định				
1	86/QĐ-ATTP	05/3/2020	Bộ Y tế - Cục ATTP	Quyết định về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định				
1	1615/QĐ-BVTV-KH	09/9/2021	Cục Bảo vệ thực vật	Cấp lại quyết định chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón
Văn phòng công nhận chất lượng BoA đánh giá và công nhận				
1	884.2020/QĐ-VPCNCL	06/11/2020	Văn phòng công nhận chất lượng BoA	Quyết định và Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm Quatest1 (PTN Vi sinh) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 Lĩnh vực công nhận: Sinh, Hóa Mã số: VILAS 028



Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
PHÒNG THỬ NGHIỆM VI SINH VÀ GMO
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Laboratory:

QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER NO.1
MICROBIOLOGY & GMO TESTING LABORATORY
DIRECTORATE FOR STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa điểm PTN/ Lab location:

Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của
has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

SINH, HÓA

Biological, Chemical

Mã số

Accreditation No

VILAS 028

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)



VŨ XUÂN THUY

Ngày/ Date of Issue: 06/11/2020 (Annex of decision: 884.2020/QĐ-VPCNCL date 06/11/2020)

Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 06/05/2023

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 06/05/2011

Số: 884.2020/QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tổ chức và hoạt động của Tổ chức công nhận;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 07 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Căn cứ Công văn số 1213/KT1-HCTC về việc xin cấp lại Quyết định và chứng chỉ ISO/IEC 17025: 2017 đối với lĩnh vực Sinh;
- Căn cứ đề nghị của đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
PHÒNG THỬ NGHIỆM VI SINH VÀ GMO

Thuộc: **TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 với danh mục các phép thử nghiệm kèm theo Quyết định này

Điều 2: Phòng thí nghiệm được mang số hiệu: **VILAS 028**.

Điều 3: Phòng thí nghiệm được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực đến ngày 06 tháng 05 năm 2023 và Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Điều 5: Quyết định này thay thế Quyết định số 873.2020/QĐ-VPCNCL ngày 02 tháng 11 năm 2020.

Nơi nhận:

- Cơ sở được đánh giá;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC
VŨ XUÂN THỦY



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 884.2020/QĐ - VPCNCL ngày 06 tháng 11 năm 2020
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1**

Phòng thử nghiệm Vi sinh và GMO

Laboratory: **Quality Assurance and Testing Center**

Microbiology & GMO Testing Laboratory

Cơ quan chủ quản: **Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

Organization: **Directorate for Standards Metrology and Quality**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Sinh, Hóa**

Field of testing: **Biological, Chemical**

Người quản lý: **Kim Đức Thụ**

Laboratory manager: **Mr. Kim Duc Thu**

Người có thẩm quyền ký:

Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Lê Thị Thúy Hằng	Các phép thử được công nhận/Accredited tests
2.	Đỗ Thị Ngữ	
3.	Nguyễn Minh Châu	
4.	Phạm Như Anh	

Số hiệu/ Code: **VILAS 028**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **06/05/2023**

Địa chỉ/ Address: **Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội**

Địa điểm/Location: **Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội**

Điện thoại/ Tel: **(84 24) 37917348**

Fax: **(82 24) 38361199**

E-mail: **testlab8@quatest1.com.vn**

Website: **www.quatest1.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
1.	Thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và mẫu môi trường Swab <i>Food, Foodstuff, Environmental and Swab test sample</i>	Định lượng <i>Escherichia Coli</i> dương tính β -Glucuronidaza. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C (CFU) sử dụng 5-Bromo-4-Clo-3-indolyl β -D-Glucuronid. <i>Enumeration of dương tính β-Glucuronidaza Escherichia Coli</i> <i>Colony count technique at 44°C (CFU) use 5-Bromo-4-Clo-3-indolyl β-D-Glucuronid</i>	1 CFU/mL 10 CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
2.		Phát hiện <i>Salmonella spp</i> <i>Detection of Salmonella spp</i>	Phát hiện/ (detection)/25g	ISO 6579-1:2017
3.		Định lượng nấm men và nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước lớn hơn 0,95 và nhỏ hơn hoặc bằng 0,95 <i>Enumeration of yeast and mould - Colony count technique</i> <i>Colony count technique in products with water activity greater than 0,95 less than or equal to 0,95</i>	1 CFU/mL 10 CFU/g	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008) TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
4.		Định lượng <i>Coliforms</i> Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Coliforms</i> <i>Colony count technique</i>	1 CFU/mL 10 CFU/g	TCVN 6848:2006 (ISO 4832:2006)
5.		Định lượng <i>Staphylococci</i> có phản ứng dương tính với Coagulase Kỹ thuật đếm khuẩn lạc. <i>Enumeration of Coagulase - positive staphylococci</i> <i>Colony count technique</i>	1 CFU/mL 10 CFU/g	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:1999)
6.		Định lượng <i>Clostridium perfringens</i> Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Clostridium perfringens.</i> <i>Colony count technique</i>	1 CFU/mL 10 CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
7.		Định lượng vi sinh vật trên đĩa thạch Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30 °C <i>Enumeration of microorganism</i> <i>Colony count technique at 30°C.</i>	1 CFU/mL 10 CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
8.	Thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và mẫu môi trường Swab <i>Food, Foodstuff, Environmental and Swab test sample</i>	Phát hiện và định lượng Coliforms Phương pháp tính số có xác suất lớn nhất <i>Detection and enumeration of Coliforms Most probable number technique</i>	MPN/ mL	TCVN 4882:2007 (ISO 4831:2006)
9.		Phát hiện <i>Escherichia Coli</i> giả định Phương pháp tính số có xác suất lớn nhất <i>Detection of presumptive E.Coli Most probable number technique</i>	MPN/ mL	TCVN 6846-2007 (ISO 7251:2005)
10.		Định lượng <i>B.cereus</i> giả định Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of presumptive B.cereus Colony count technique</i>	1 CFU/mL 10 CFU/g	TCVN 4992:2005 (ISO 7932-2004)
11.		Phát hiện và xác định vi khuẩn họ <i>Enterobacteriaceae</i> . <i>Detection and enumeration of Enterobacteriaceae</i>	1 CFU/mL 10 CFU/g	TCVN 5518-1,2:2007 (ISO 21528-1,2:2004)
12.		Phát hiện <i>Listeria monocytogenes</i> <i>Detection of Listeria monocytogenes</i>	Phát hiện / (detection)/25g	ISO 11290-1:2017
13.		Định lượng <i>Listeria monocytogene</i> <i>Enumeration of Listeria monocytogenes</i>	1 CFU/mL 10 CFU/g	ISO 11290-2:2017
14.		Phát hiện <i>Salmonella spp</i> Kỹ thuật PCR <i>Detection of Salmonella spp PCR technical</i>	2CFU	TN8/HD/P/58.1
15.		Phát hiện <i>Listeria monocytogenes</i> Kỹ thuật PCR <i>Detection of Listeria monocytogenes PCR technical</i>	5CFU	TN8/HD/P/58.2
16.		Phát hiện <i>Entero Sakazakii</i> Kỹ thuật PCR, Realtime PCR <i>Detection of Entero Sakazakii PCR, Realtime PCR technical</i>	2 CFU	TN8/HD/P/58.3
17.		Phát hiện <i>Vibrio spp</i> Kỹ thuật PCR, Realtime PCR <i>Detection of Vibrio spp PCR, Realtime PCR technical</i>	5 CFU	TN8/HD/P/58.5

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
18.	Thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và mẫu môi trường Swab <i>Food, Foodstuff, Environmental and Swab test sample</i>	Phát hiện và định lượng <i>B.subtilis</i> Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Detection and enumeration of B.subtilis</i>	10CFU/g 1 CFU/mL	TN8/HD/P/58.7
19.		Phát hiện <i>Clostridia</i> sinh độc tố thần kinh <i>Botulium</i> typ A, B, E và F Phương pháp PCR <i>PCR technical</i>	5 CFU/10g	TCVN 11395:2016
20.		Định danh DNA động vật (gà, bò, lợn) Kỹ thuật PCR, Realtime PCR <i>Detection of Pork, Beef, Chicken PCR, Realtime PCR technical</i>		TN8/HD/P/57
21.		Định lượng <i>S. aureus</i> có phản ứng dương tính với Coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) để đếm số lượng nhỏ <i>Enumeration of Coagulase – positive staphylococci. (Staphylococcus aureus and other speci)</i> <i>Most probale number technique (MPN)</i>	MPN/ mL MPN/ g	TCVN 4830-3:2005 (ISO 6888-3:2003)
22.		Định lượng <i>Bacillus cereus</i> giả định Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) để đếm số lượng nhỏ. <i>Enumeration of presumptive B. cereus</i> <i>Most probale number technique (MPN)</i>	MPN/ mL MPN/ g	TCVN 7903:2008 (ISO 21871:2006)
23.		Phát hiện và định lượng <i>P.aeruginosa</i> . Kỹ thuật đếm khuẩn lạc. <i>Detection and enumeration of P.aeruginosa</i> <i>Colony count technique</i>	1 CFU/mL 10 CFU/g	ISO 16266: 2006
24.		Phát hiện và định lượng <i>Faecal Streptococci</i> Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Detection and enumeration of Faecal Streptococci</i> <i>Colony count technique</i>	1 CFU/mL 10 CFU/g	ISO 7899-2:2000
25.		Phát hiện <i>Shigella</i> <i>Detection of Shigella</i>	Phát hiện/ <i>detection/</i> 25 g,mL	TCVN 8131:2009 (ISO 21567:2004)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
26.	Nước uống, nước sản xuất, nước sạch <i>Drinking water, Processing water, Domestic water</i>	Định lượng tổng số vi sinh vật <i>Enumeration of culturable micro-organisms</i>	1 CFU/ mL	ISO 6222:1999
27.		Phát hiện và định lượng <i>Coliforms</i> Phương pháp màng lọc <i>Detection and enumeration of Coliforms Membrane filtration method</i>	1CFU/ 250mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
28.		Phát hiện và định lượng <i>Escherichia Coli</i> Phương pháp màng lọc. <i>Detection and enumeration of Escherichia Coli bacteria. Membrane filtration method</i>	1CFU/ 250mL	TCVN 6187-1:2009 (ISO 9308-1:2000)
29.		Phát hiện và định lượng <i>Escherichia Coli</i> Phương pháp màng lọc <i>Detection and enumeration of Escherichia Coli bacteria Membrane filtration method</i>	1CFU/ 250mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
30.		Phát hiện và đếm liên cầu khuẩn đường ruột <i>Enterococci</i> <i>Detection and Enumeration of intestinal Enterococci</i>	1CFU/ 250mL	TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)
31.		Phát hiện và đếm liên cầu khuẩn đường ruột <i>Enterococci</i> bằng cách sử dụng cơ chất đặc hiệu và thiết bị của hãng Indexx <i>Detection and Enumeration of intestinal Enterococci (Indexx)</i>	1MPN/ 100mL	TN8/ HD/P/91
.		Phát hiện và đếm bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulphit <i>Detection and Enumeration of spores of Sulfite-reducing anaerobes Clostridia</i>	1CFU/ 50mL	TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986)
32.		Phát hiện và đếm vi khuẩn <i>Ps.aeruginosa</i> <i>Detection and Enumeration of Ps.aeruginosa</i>	1CFU/ 250mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)
33.		Phát hiện và định lượng vi khuẩn <i>Ps.aeruginosa</i> bằng cách sử dụng cơ chất đặc hiệu và thiết bị của hãng INDEXX <i>Detection and Enumeration of Ps.aeruginosa - Indexx</i>	MPN/100 mL	TN8/ HD/P/90
34.		Phát hiện và định lượng <i>S.aureus</i> <i>Detection and Enumeration of S.aureus</i>	CFU/ 100mL	SMEWW 9213B: 2017

Handwritten signature

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
35.	Nước uống, nước sản xuất nước sạch, nước cooling tower, nước thải <i>Drinking water, Processing water, Domestic water, Cooling tower water, waste water</i>	Định lượng <i>Legionella</i> spp. <i>Enumeration of Legionella spp.</i>	1CFU/ 1mL, 100mL	ISO 11731:2017
36.		Phát hiện và định lượng <i>Legionella pneumophila</i> bằng cách sử dụng cơ chất đặc hiệu và thiết bị của hãng INDEXX <i>Detection and Enumeration of Legionella pneumophila- Indexx</i>	MPN/ mL	TN8/ HD/P/92
37.		Phát hiện và định lượng <i>Cl.perfringen</i> <i>Detection and Enumeration of Cl.perfringen</i> Phương pháp màng lọc <i>Membrane filtration method</i>	CFU/100 mL, 250mL, 50mL	ISO 14189:2013
38.	Nước mặt, nước ngầm, nước thải <i>Surface water, ground water, waste water</i>	Phát hiện <i>Salmonella</i> spp. <i>Detection of Salmonella spp.</i>	Phát hiện (detection)/ 25mL/ 1000 mL	TCVN 9717:2013 (ISO 19250:2010)
39.	Nước sạch, nước mặt, nước ngầm, nước thải <i>Domestic water surface water, ground water, waste water</i>	Phát hiện và định lượng Coliforms Phương pháp nhiều ống (MPN) <i>Detection and enumeration of Coliforms bacteria</i> <i>Most probable number technique (MPN)</i>	1 MPN/100mL	TCVN6287-2:1996 (ISO 9308-2:1990)
40.		Phát hiện và định lượng <i>E. Coli</i> Phương pháp nhiều ống (MPN) <i>Detection and enumeration of E.Coli bacteria</i> <i>Most probable number technique (MPN)</i>	1MPN/100mL 3 MPN/100mL (Nước thải/ waste water)	TCVN 6287-2:1996 (ISO 9308-2:1990)
41.		Phát hiện và định lượng Coliforms Phương pháp số có thể nhất (MPN) Index <i>Detection and enumeration of Coliforms bacteria</i> <i>Most probable number technique (MPN)</i>	1MPN/100mL 3 MPN/100mL (Nước thải/ waste water)	ISO 9308-2:2012
42.		Phát hiện và định lượng <i>E. Coli</i> Phương pháp số có thể nhất (MPN) Indexx <i>Detection and enumeration of E.Coli bacteria</i> <i>Most probable number technique (MPN)</i>	1MPN/100mL	ISO 9308-2:2012

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
43.	Phân bón các chế phẩm sinh học <i>Fertilizer, Biological preparation</i>	Định lượng Vi sinh vật cố định đạm: cộng sinh, hội sinh, tự do. <i>Enumeration of Microbial nitrogen fixing: symbiotic, commensalism, freeliving</i>	1 CFU/mL 10 CFU/g	TCVN 6166:2002
44.		Định lượng Vi sinh vật phân giải hợp chất photpho khó tan, photpho hữu cơ, vô cơ <i>Enumeration of Phosphate – solubilizing microbial, organic phosphorus, inorganic phosphorus compounds.</i>	1 CFU/mL 10 CFU/g	TCVN 6167:2008
45.		Vi sinh vật phân giải Xenlulo: Vi khuẩn, xạ khuẩn, nấm các loại <i>Micro preparation for cellulose degradation: Bacteria, actinomycetes, fungi</i>	1 CFU/mL 10 CFU/g	TCVN 6168:2002
46.		Phát hiện <i>Salmonella</i> spp <i>Detection of Salmonella spp</i>	Phát hiện/ <i>detective/</i> 25g, mL	TN8/HD/P/13 Ref: TCVN 4829:2005 (ISO 6579:2002)
47.		Phát hiện và định lượng <i>Escherichia coli</i> giả định bằng kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) <i>Detection and enumeration of E.Coli bacteria</i> <i>Most probable number technique (MPN)</i>	MPN/ g,mL	TN8/HD/P/18.1 (Reference (ISO 7251:2005)
48.		Định lượng <i>Azotobater</i> . Kỹ thuật đếm khuẩn lạc. (CFU) <i>Enumeration of Azotobater.</i> <i>Colony count technique (CFU)</i>	1 CFU/mL 10 CFU/g	TCVN 6166:2002
49.	Khăn giấy <i>Paper tissue</i>	Xác định tổng số vi sinh vật hiếu khí <i>Enumeration of total aerobic microorganisms</i>	10 CFU/g	QCVN 09:2015/BCT. (A.4) TN8/HD/P/53
50.		Xác định tổng số nấm mốc <i>Enumeration of total Mould</i>	10 CFU/g	QCVN 09:2015/BCT. (A.4) TN8/HD/P/53
51.	Băng vệ sinh phụ nữ <i>Sanitary pads for women</i>	Xác định tổng số vi khuẩn hiếu khí <i>Enumeration of total aerobic bacteria.</i>	2 CFU/g	TCVN 10585:2014
52.		Xác định tổng số nấm mốc <i>Enumeration of total mould</i>	2 CFU/g	TCVN 10585:2014

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
53.	Tã (bỉm) trẻ em <i>Children's diapers</i>	Xác định tổng số vi khuẩn hiếu khí <i>Enumeration of total aerobic bacteria.</i>	5 CFU/g	TCVN 10584:2014
54.		Xác định tổng số nấm mốc <i>Enumeration of total mould</i>	5 CFU/g	TCVN 10584:2014
55.	Thực vật biến đổi gen và các sản phẩm có nguồn gốc từ chúng <i>Genetically modified plants and derived products</i>	Phát hiện và định lượng biến đổi gen promoter CaMV 35S Kỹ thuật realtime PCR <i>Detection and quantitation of CaMV 35S promotor</i> <i>Realtime PCR technique</i>	LOD: 0,1% w/w LOQ: 0.1% w/w	ISO 21569:2005 (Phụ lục/Appendix B1)
56.		Phát hiện biến đổi gen TNOS Kỹ thuật Realtime PCR <i>Detection of napoline synthase terminator</i> <i>Realtime PCR technique</i>	LOD: 0,1% w/w	ISO 21569:2005 (Phụ lục/Appendix B3)
57.		Phát hiện biến đổi gen CaMV 35S promoter và NOS-terminator Kỹ thuật Realtime PCR <i>Detection of CaMV35S promotor and NOS-terminator</i> <i>Realtime PCR technique</i>	LOD: 0,1% w/w	TN8/HD/P/60
58.		Phát hiện biến đổi gen BAR Kỹ thuật Realtime PCR <i>Detection of phosphinothricin Nacetyltransferase gene</i> <i>Realtime PCR technique</i>	LOD: 0,1% w/w	TN8/HD/P/63.1
59.		Phát hiện biến đổi gen CRY 1Ab/Ac Kỹ thuật Realtime PCR <i>Detection of cry1Ab/Ac gene</i> <i>Realtime PCR technique</i>	LOD: 0,1% w/w	TN8/HD/P/63.2
60.		Phát hiện biến đổi gen PAT Kỹ thuật Realtime PCR <i>Detection of phosphinothricin Nacetyltransferase gene</i> <i>Realtime PCR technique</i>	LOD: 0,1% w/w	TN8/HD/P/63.3

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
61.	Ngô biến đổi gen và sản phẩm có nguồn gốc từ chúng <i>Genetically modified maize and their derived products</i>	Phát hiện và định lượng biến đổi gen NK603 <i>Kỹ thuật Realtime PCR</i> <i>Detection and quantitation of NK603 gene</i> <i>Realtime PCR technique</i>	LOD: 0,1% w/w LOQ: 0,1% w/w	TN8/HD/P/64.1
62.		Phát hiện và định lượng biến đổi gen TC1507 <i>Kỹ thuật Realtime PCR</i> <i>Detection and quantitation of TC1507 gene</i> <i>Realtime PCR technique</i>	LOD: 0,1% w/w LOQ: 0,1% w/w	TN8/HD/P/64.2
63.		Phát hiện biến đổi gen MON89034 <i>Kỹ thuật Realtime PCR</i> <i>Detection of MON89034 gene</i> <i>Realtime PCR technique</i>	LOD: 0,1% w/w	TN8/HD/P/64.3
64.		Phát hiện và định lượng biến đổi gen Bt11 <i>Kỹ thuật Realtime PCR</i> <i>Detection and quantitation of Bt11 gene</i> <i>Realtime PCR technique</i>	LOD: 0,1% w/w LOQ: 0,1% w/w	TN8/ HD/ P/ 65
65.	Đậu tương biến đổi gen và sản phẩm có nguồn gốc từ chúng <i>Genetically modified soybean and their derived products</i>	Phát hiện và định lượng biến đổi gen GTS 40- 3-2 <i>Kỹ thuật Realtime PCR</i> <i>Detection and quantitation of GTS 40-3-2 gene</i> <i>Realtime PCR technique</i>	LOD: 0,1% w/w LOQ: 0,1% w/w	TN8/ HD/ P/ 66
66.	Vật liệu nhựa và các loại bề mặt không có lỗ khác. <i>(Plastis and other non-porous surfaces)</i>	Đánh giá khả năng kháng khuẩn <i>Measurement of antibacteria activity</i>		ISO 22196:2011
67.	Vải <i>Textile</i>	Xác định hoạt tính kháng khuẩn <i>Determination of antibacterial activity</i>		ISO 20743:2013 AATCC 100:2019

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
68.	Giấy, sản phẩm của giấy <i>Paper, paper products</i>	Xác định hoạt tính kháng khuẩn <i>Determination of antibacterial activity</i>		TN8/HD/P/29.1 (Ref: ISO 20743:2013)
69.	Mỹ phẩm <i>Cosmetic</i>	Phát hiện và định lượng tổng số vi sinh vật đếm được <i>Detection and Enumeration total plate count</i>	10CFU/g 1CFU/mL	TN8/HD/P/47.1 (Ref: ISO 21149:2017)
70.		Phát hiện và định lượng tổng số vi khuẩn hiếu khí <i>Detection and Enumeration of aerobic mesophilic bacteria</i>	10CFU/g 1CFU/mL	ISO 21149:2017
71.		Phát hiện <i>Candida albicans</i> <i>Detection of Candida albicans</i>	Phát hiện/ detected/g.mL	ISO 18416:2015
72.		Phát hiện <i>Staphylococcus aureus</i> <i>Detection of Staphylococcus aureus</i>	Phát hiện/ detected/g.mL	ISO 22718:2015
73.		Phát hiện <i>Pseudomonas aeruginosa</i> <i>Detection of Pseudomonas aeruginosa</i>	Phát hiện/ detected/g.mL	ISO 22717:2015
74.	Giấy ướt <i>Wet tissue</i>	Phát hiện và định lượng tổng số vi sinh vật đếm được <i>Detection and Enumeration Total plate count</i>	10 CFU/ g	TCVN 11528:2016
75.		Phát hiện <i>Candida albicans</i> . <i>Detection of Candida albicans.</i>		TCVN 11528:2016
76.		Phát hiện <i>Staphylococcus aureus</i> . <i>Detection of Staphylococcus aureus.</i>		TCVN 11528:2016
77.		Phát hiện <i>Pseudomonas aeruginosa</i> <i>Detection of Pseudomonas aeruginosa</i>		TCVN 11528:2016
78.	Giấy ướt, giấy tissue, vải không dệt, nước rửa chén, nước xả vải, băng vệ sinh, bím <i>(Wet tissue, tissue paper, nonwoven, dishwater,</i>	Phát hiện và định lượng tổng số vi khuẩn hiếu khí <i>Enumeration and detection of aerobic mesophilic bacteria.</i>	10 CFU/g	TN8/HD/P/47 (Ref: ISO 21149:2017)
79.		Phát hiện <i>Candida albicans</i> <i>Detection of Candida albicans</i>		TN8/HD/P/50 (Ref: ISO 18416:2015)
80.		Phát hiện <i>Staphylococcus aureus</i> <i>Detection of Staphylococcus aureus</i>		TN8/HD/P/49 (Ref: ISO 22718:2015)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
81.	<i>soft fabric water, sanitary pads, diapers</i>	Phát hiện <i>Pseudomonas aeruginosa</i> <i>Detection of Pseudomonas aeruginosa</i>		TN8/HD/P/48 (Ref: ISO 22717:2015)
82.	Sữa bột dành cho trẻ sơ sinh. (<i>Powdered milk for infants</i>)	Phát hiện <i>Enterobacter sakazakii</i> <i>Detection of Enterobacter sakazakii</i>		TCVN 7850:2008 (ISO/TS 22964:2017)
83.		Định lượng <i>Enterobacter sakazakii</i> <i>Enumeration of Enterobacter Sakazakii</i>	MPN/ g	TN8/HD/P/31.2 (Ref: Bacteriological Analytical Manual/BAM: Chapter 29: <i>Cronobacter Sakazakii</i>)
84.	Khăn giấy ướt, vải không dệt (<i>Wet paper tissue, nonwoven</i>)	Định lượng tổng số vi khuẩn hiếu khí <i>Enumeration of total aerobic bacteria</i>	10 CFU/g	TN8/HD/P/55 (Ref: QCVN 09:2015/BCT TCVN 10584:2014)
85.		Định lượng tổng số nấm mốc <i>Enumeration of total mould</i>	10 CFU/g	TN8/HD/P/55 (Ref: QCVN 09:2015/BCT TCVN 10584:2014)
86.	Giấy tissue, khăn giấy, giấy vệ sinh (<i>Tissue paper, Paper handkerchief, toilet paper</i>)	Định lượng tổng số vi khuẩn hiếu khí <i>Enumeration of total aerobic bacteria.</i>	5 CFU/g	TN8/HD/P/53 QCVN 09:2015/BCT. (A.4)
87.		Định lượng tổng số nấm mốc <i>Enumeration of total mould</i>	5 CFU/g	TN8/HD/P/53 QCVN 09:2015/BCT (A.4)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
1.	Băng vệ sinh, phụ nữ <i>Sanitary pads for women</i>	Xác định độ thấm hút <i>Determination of Absorbent capabilities</i>		TCVN 10585:2014
2.		Xác định thời gian thấm hút <i>Determination of Time of absorbent</i>		TCVN 10585:2014
3.		Xác định pH <i>Determination of pH</i>	(2~12)	TCVN 10585:2014
4.		Xác định khối lượng miếng <i>Determination of Mass of pad</i>		TN8/HD/P/45
5.	Tã (Bỉm) trẻ em <i>Children's diapers</i>	Xác định độ thấm hút <i>Determination of Absorbent capabilities</i>		TCVN 10584:2014
6.		Thời gian thấm hút <i>Determination of Time of absorbent</i>		TCVN 10584:2014
7.		Xác định pH <i>Determination of pH</i>	(2~12)	TCVN 10584:2014
8.		Khối lượng miếng <i>Determination of Mass of Pad</i>		TN8/HD/P/46
9.	Khăn giấy <i>Paper tissue</i>	Xác định pH <i>Determination of pH</i>	(2~12)	TN8/HD/P/46 (Ref: TCVN 10584:2014)

Chú thích/Note: TN8/HD/P: Phương pháp thử do phòng thí nghiệm xây dựng/Laboratory developed method



DANH SÁCH NHÂN SỰ

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Học vị	Nơi đào tạo
1	Lê Thị Thúy Hằng	Trưởng phòng	Thạc sỹ Sinh học	Đại học Thái Nguyên
2	Đỗ Thị Ngừ	Thử nghiệm viên	Thạc sỹ Sinh học	Đại học Thái Nguyên
3	Nguyễn Minh Châu	Thử nghiệm viên	Thạc sỹ Sinh học	Đại học Khoa học Tự nhiên
4	Phạm Như Anh	Thử nghiệm viên	Kỹ sư Công nghệ sinh học	Đại học Lâm nghiệp
5	Võ Thị Phương	Thử nghiệm viên	Thạc sỹ Sinh học	Đại học Khoa học Tự nhiên
6	Đinh Thu Thuỷ	Thử nghiệm viên	Thạc sỹ Kỹ thuật Môi trường	Đại học Mỏ - Địa chất
7	Lê Thị Mai Thanh	Kỹ thuật viên	Công nghệ hoá hữu cơ	

DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH

STT	Tên thiết bị
1	Cân phân tích AE 260S
2	Cân kỹ thuật điện tử PM4000
3	Tủ âm EB 500
4	Tủ nuôi vi sinh nhiệt độ thấp model FTC 90E
5	Nồi hấp tiệt trùng HL - 3030e
6	Nồi hấp tiệt trùng SA-300
7	Tủ mát Sanyo
8	Tủ lạnh Hitachi
9	Bể điều nhiệt Memmert
10	Máy nghiền SEWARD 400
11	Máy đếm khuẩn QUEBEC Model : 3328
12	Máy đếm khuẩn Model: CC-560
13	Tủ cấy vi sinh HB Joan
14	Buồng cấy vô trùng
15	Tủ lạnh FKT
16	Kính hiển vi soi nổi
17	Kính hiển vi Primo Star (Zeiss)
18	Máy khuấy từ gia nhiệt
19	Vortex mixer , Model ZX3
20	Máy lắc ống nghiệm nhỏ
21	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng Labotherm
22	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng Elle
23	Micropipet
24	Pipetman
25	Lò vi sóng
26	Đèn tử ngoại Min UVIS UV Lamp
27	pH meter
28	Biến áp tự ngẫu
29	Quả cân 100g
30	Tủ nuôi cấy vi sinh nhiệt độ, Model : KB 115
31	Tủ sấy Shel lab
32	Nhiệt kế Labor

STT	Tên thiết bị
33	Nhiệt kế Jenatherm N
34	Nhiệt kế Elle
35	Bộ lọc nước 3 phễu lọc Inox
36	Cân kỹ thuật PGW 1502e
37	Tủ lạnh sâu – 80°C, Model: ULTF 320
38	Máy phân phối 2-10ml
39	pH meter
40	Tủ ầm lạnh ICP 600
41	Nhiệt kế điện tử Multi/M2
42	Máy đo nhiệt độ độ ầm Ebro Model: TFH 610
43	Nhiệt kế điện tử Multi/M3
44	Nhiệt ầm kế điện tử/ M1
45	Nhiệt ầm kế điện tử/ M4
46	Tủ lạnh sâu LIEBHERR
47	Tủ mát SANYO SBC-337K/ (M1)
48	Tủ mát SANYO SBC-337K/(M2)
49	Kính hiển vi soi nổi 2 mắt – NOVEX RZB – SF
50	Lò vi sóng Electrolux
51	Tủ lạnh TOSHIBA
52	Bình ký khí
53	Máy đo đa chỉ tiêu pH/EC/TDS/Nhiệt độ
54	Máy hút ầm dân dụng
55	Máy cất nước 1 lần
56	Tủ hút mùi phòng môi trường
57	Tủ hút mùi phòng rửa dụng cụ
58	Nồi hấp tiệt trùng, Model: HV-85
59	Pipet controller
60	Datalogger theo dõi nhiệt độ, độ ầm, GL820
61	Bộ quả cân chuẩn: Quả cân 1g, 10g, 20g, 200g, 1000g
62	Máy pha loãng mẫu theo trọng lượng
63	Máy pha loãng theo thể tích
64	Máy lấy mẫu khí vi sinh trong không khí
65	Bể siêu âm
66	Máy đếm khuẩn lạc tự động

STT	Tên thiết bị
67	Kính hiển vi 2 mắt, có camera và phần mềm xử lý ảnh
68	Bead Sterilizer
69	Dụng cụ quay đĩa petri
70	Tủ an toàn sinh học cấp II
71	Cân kỹ thuật
72	Máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ tự động, VITEK 2 Compact
73	Hệ thống real-time PCR
74	Máy ủ nhiệt có làm lạnh kèm lắc rung
75	Máy ly tâm lạnh ống eppendorf để bàn - 5424R
76	Tủ thao tác PCR
77	Tủ an toàn sinh học cấp 2
78	Máy lọc nước tinh khiết (loại 3) và siêu tinh khiết (loại 1)
79	Máy cất nước 2 lần
80	Máy ly tâm lắng mẫu nhanh - Minispin
81	Máy đo nồng độ DNA/RNA
82	Máy nhân gen tốc độ cao có chức năng Gradient
83	Máy điện di ngang cỡ nhỏ
84	Bộ nguồn điện di EV 245
85	Máy chụp ảnh gel điện di BioDoc- It2
86	Pipette thể tích thay đổi từ 0,1 – 2,5 μ L, Research plus
87	Pipette thể tích thay đổi từ 0,5 – 10 μ L, Research plus
88	Pipette thể tích thay đổi từ 2 – 20 μ L, Research plus
89	Pipette thể tích thay đổi từ 2 – 20 μ L, Research plus
90	Pipette thể tích thay đổi từ 10 – 100 μ L, Research plus
91	Pipette thể tích thay đổi từ 20 – 200 μ L, Research plus
92	Pipette thể tích thay đổi từ 100 – 1000 μ L, Research plus
93	Pipette thể tích thay đổi từ 1 - 10 ml, Research plus
94	Pipet 8 kênh, thay đổi thể tích 0,5 - 10 μ l, Research plus
95	Pipet 8 kênh, thay đổi thể tích 10-100 μ l, Research plus
96	Pipet 8 kênh, thay đổi thể tích 30 - 300 μ l, Research plus
97	Máy khuấy từ Model:MS-HS
98	Máy Vortex, Model: MX-S
99	Máy Vortex, Model:MX-S
100	Tủ lạnh LG, GN-L205PS

STT	Tên thiết bị
101	Tủ lạnh Toshiba, GR-S25VPB
102	Tủ âm Memmert, IN260
103	Bình nuôi kị khí
104	Bể điều nhiệt Memmert , F-Nr.1792.0293, DIN 12877 –KT
105	Quanti – Tray sealer plus, Cat./WQTSPLUS
106	Buồng tử ngoại đọc kết quả, WEA 160F, WCM 10
107	Dàn lọc 6 phễu Inox
108	Tủ mát Sanaky
109	Máy hút âm, Model: EDH12SDAW
110	Hệ thống định danh vi sinh vật bằng phương pháp khối phổ, VITEK MS
111	Micropipet, K 19805661
112	Micropipet, YM 17BAE0007565
113	Micropipet, YM 183AE0022623
114	Tủ mát ALASKA, Model: LC- 933C
115	Lò vi sóng, Model: EMS3085X
116	Lò vi sóng Electrolux, Model: EMS3085X
117	Máy giặt